

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

CÁCH SỬ DỤNG TỪ NGỮ CẢM THÁN TRONG *TRUYỆN KIỀU*

PHẠM KIM THOA

(Cao học NN K15, ĐHSP Thái Nguyên)

1. *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du là một tác phẩm thơ viết bằng chữ Nôm rất nổi tiếng, nội dung chủ yếu xoay quanh quãng đời 15 năm lưu lạc của nhân vật Vương Thúy Kiều. Thông qua 3254 câu thơ viết theo thể lục bát, nhà thơ đã lên án những bất công vô nhân đạo của xã hội đối với thân phận con người, đặc biệt đối với người phụ nữ trong thời phong kiến. Xuyên suốt tác phẩm, người đọc bắt gặp không ít những hành vi cảm thán (của nhà thơ hoặc của nhân vật) được biểu đạt dưới nhiều hình thức. Ở bài viết này, chúng tôi xin dừng lại ở việc tìm hiểu từ ngữ cảm thán được sử dụng trong những hành vi cảm thán của *Truyện Kiều*.

2. Về mặt ngữ nghĩa, từ ngữ cảm thán là những đơn vị từ vựng đặc biệt được sử dụng để biểu đạt những cảm xúc, những tình cảm, trạng thái khác nhau của người nói trước hiện thực khách quan.

Về mặt từ vựng- ngữ pháp, từ ngữ cảm thán có khả năng độc lập tạo câu, trong khẩu ngữ hàng ngày thường đứng ở đầu câu, là thành phần độc lập với nòng cốt câu, nhưng cũng có khi đứng cuối câu hoặc xen vào giữa nòng cốt câu.

Trong tiếng Việt, các từ ngữ cảm thán có thể được tách riêng thành một nhóm độc lập. Để thể hiện hành vi cảm thán, ngoài việc sử dụng các từ ngữ cảm thán, người ta còn dùng nhiều yếu tố cảm thán khác như ngữ điệu, trật tự từ, hoặc các phương tiện từ vựng khác để diễn đạt ý cảm thán.

Căn cứ vào đặc điểm ngữ nghĩa và đặc điểm ngữ pháp của từ ngữ cảm thán trong tiếng Việt, qua khảo sát bản dịch *Truyện Kiều* của Đào Duy Anh (xuất bản năm 1989), chúng tôi thống kê số lượng và tần số sử dụng các từ ngữ cảm thán trong tác phẩm, kết quả như sau:

STT	Từ ngữ cảm thán	Ví dụ	Tần số xuất hiện		Ghi chú
			Số lượng	Tỉ lệ(%)	
1	ai bì	Thúy Kiều tài sắc ai bì !	2	0,53	
2	ai dễ	Đêm xuân, ai dễ cảm lòng được chăng !	1	0,26	
3	ai lại	Lúa đôi ai lại đẹp tây Thôi, Trương.	2	0,53	
4	ai mà	Ấy mô vô chủ, ai mà viếng thăm ?	1	0,26	
5	ai ngờ	Ai ngờ một phút tan tành thịt xương !	2	0,53	
6	ắt	Chờ xem, ắt thấy hiển linh bây giờ !	6	1,59	
7	bấy	Trời làm chi cực bấy trời !	4	1,05	
8	biết bao	Biết bao bướm lá ong lời !	4	1,05	
9	biết bao giờ	Kiếp phong trần biết bao giờ là thôi ?	2	0,53	
10	biết bao nhiêu	Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành	2	0,53	
11	biết sao	Trong khi ngộ biến tông quyền biết sao ?	4	1,05	
12	bỗng dưng	Bỗng dưng lại gặp một người,	1	0,26	
13	chẳng	Nàng đã biết đến ta chẳng	7	1,86	
14	chẳng còn có gì	Có ta đây, cũng chẳng còn có gì !	1	0,26	
15	chẳng hề chi	Sư rằng: "Song chẳng hề chi ,	1	0,26	
16	chẳng ngoa	Ngậm lời Tam Hợp rõ mười chẳng ngoa .	2	0,53	
17	chẳng ngờ	Chẳng ngờ , gã Mã giám sinh,	1	0,26	
18	chẳng tha	Thôi thì mặt khuất, chẳng tha lòng đau	1	0,26	
19	chém cha	Chém cha cái số hoa đào,	1	0,26	

20	chi / gì	Có tài mà cày chi tài,	56	14,8	Đồng nghĩa
21	chi bấy	Phũ phàng chi bấy hoá công !	1	0,26	
22	chi đây	Ba sinh âu hân duyên trời chi đây	3	0,79	
23	chi lắm	Tài tình chi lắm cho trời đất ghen !	1	0,26	
24	còn chi/ còn gì	Chờ cho hết kiếp, còn gì là thân !	5	1,32	Đồng nghĩa
25	còn chi nữa	Còn chi nữa , cánh hoa tàn	1	0,26	
26	có ngần ấy thôi	Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi .	1	0,26	
27	dám sao	Thua có, mụ cũng cầu hoà, dám sao !	1	0,26	
28	đau đớn thay	Đau đớn thay , phận đàn bà !	1	0,26	
29	đành vậy	Phận sao đành vậy cũng vậy,	1	0,26	
30	đầu	Có đầu mà lại ra người hiểm sâu"	11	2,91	
31	đoạn trường thay	Đoạn trường thay ! Lúc phân kỳ,	1	0,26	
32	đổ ai	Đổ ai gỡ mối tơ mảnh cho xong !	1	0,26	
33	e chẳng	E chẳng những sự bất kỳ,	1	0,26	
34	e thay	E thay ! Những dạ phi thường,	1	0,26	
35	ghê	Ba thu dọn lại một ngày dài ghê !	1	0,26	
36	hay gì	Dở dang nào có hay gì ,	3	0,79	
37	hay sao	Quan rằng: "Chỉ nói hay sao ,	5	1,32	
38	hồi	Lòng này ai tỏ cho ta hồi lòng ?	3	0,79	
39	ích gì	Thiệt đây, mà có ích gì đến ai ?	1	0,26	
40	kéo	Kéo khi sấm sét bất kỳ,	1	0,26	
41	kém đâu	Hắn ba trăm lạng kém đâu	1	0,26	
42	kém gì	Xôn xao ngoài cửa kém gì yến anh.	3	0,79	
43	khéo	Khéo oan gia, của phá gia,	3	0,79	
44	khéo dư	Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa !"	1	0,26	
45	khéo là	Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.	2	0,53	
46	khéo thay	Khéo thay ! Gặp gỡ cũng trong chuyển vần !	4	1,05	
47	khéo vô duyên	Khóc than khôn xiết sự tình,	1	0,26	
48	khôn xiết	Khéo vô duyên bấy là mình với ta !	1	0,26	
49	khó gì	Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì !	1	0,26	
50	lạ cho	Lạ cho cái sóng khuynh thành,	2	0,53	
51	lạ đường	Pháp sư dạy thế, sự đâu lạ đường !	4	1,05	
52	lạ đời	Chức đâu có chức lạ đời !	4	1,05	
53	lạ gì	Lạ gì một cốt một đồng xưa nay	4	1,05	
54	lạ sao	Cơ duyên đâu bỗng lạ sao ,	1	0,26	
55	lạ lòng thay	Rằng : "Sao nói lạ lòng thay !	1	0,26	
56	lạ thay	Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay !	2	0,53	
57	lắm chi/ lắm gì	Lắm chi những thói trẻ ranh nực cười !	17	4,5	Đồng nghĩa
58	lắm chi nữa	Có lắm chi nữa cái mình bỏ đi !	1	0,26	
59	lắm sao	ăn lắm sao , nói lắm sao , bấy giờ ?	11	2,91	
60	lắm sao xiết	Kể lắm sao xiết muôn vàn ái ân !	1	0,26	
61	lắm nao	Làm chi giầy tía vò hồng lắm nao !	1	0,26	
62	lắm ru	Công đeo đuổi chẳng thiệt thôi lắm ru !	2	0,53	
63	lắm thay/lắm thân	Nghe ra muốn oán nghìn sâu lắm thay !"	3	0,79	Đồng nghĩa
64	mà lại	Hoa tàn mà lại thêm tươi,	2	0,53	
65	mà thôi	ái ân ta có ngần này mà thôi !	2	0,53	
66	mãi ru	Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru !	1	0,26	
67	may thay	May thay , giải cấu tương phùng,	1	0,26	
68	mối thôi	Còn tôi, tôi một gặp nàng mối thôi .	5	1,32	
69	nao ngờ	Nào ngờ cùng tổ bợm già,	2	0,53	
70	ôi	Chàng ôi ! Biết nổi nước này cho chưa ?	1	0,26	
71	ối	ối Kim lang ! Hồi Kim lang !	1	0,26	
72	phải chăng	Nghe ra như oán như sâu phải chăng ?	2	0,53	
73	sao	Khi sao phong gấm rủ là,	38	10,05	
74	sao bằng	Đến điều sống đục, sao bằng thác trong ?	3	0,79	
75	sao cho	Sao cho si nhục một lần mối thôi.	4	1,05	
76	sao khéo	Xe tơ sao khéo vợ quàng vợ xiên ?	1	0,26	
77	sao nỡ	Đình chung sao nỡ ăn ngồi cho an !	1	0,26	

78	sá chi/ sá gì	<i>Sá chi</i> thân phận tôi đòi,	5	1,32	Đồng nghĩa
79	sợ thay	<i>Sợ thay</i> , mà lại mừng thâm cho ai !	1	0,26	
80	than ôi	<i>Than ôi</i> ! Sắc nước hương trời,	1	0,26	
81	thà	Nhị đào <i>thà</i> bẽ cho người tình chung	3	0,79	
82	thà rằng	<i>Thà rằng</i> liều một thân con,	1	0,26	
83	thật là	Rằng: “Hay thì <i>thật là</i> hay,	2	0,53	
84	thật nhẽ	Ông tở <i>thật nhẽ</i> đa đoan.	1	0,26	
85	thế thôi	Liều thân thì cũng phải liều, <i>thế thôi</i> ”.	3	0,79	
86	thì thôi	Thân này đã đến thế này <i>thì thôi</i> !	8	2,1	
87	thiếu đâu	Lời tan hợp, chuyện xa gần <i>thiếu đâu</i> .	1	0,26	
88	thiếu gì	Mây trời bèo nổi, <i>thiếu gì</i> là nơi !	3	0,79	
89	thương gì	<i>Thương gì</i> đến ngọc, tiếc gì đến hương !	1	0,26	
90	thương ôi	<i>Thương ôi</i> ! Tài sắc bực này,	4	1,05	
91	thương thay	<i>Thương thay</i> ! Thân phận lạc loài,	2	0,53	
92	thôi	Bạc den, <i>thôi</i> có tiếc mình làm chi !	13	3,44	
93	thôi có ra gì	Thân này, <i>thôi có ra gì</i> mà mong !	2	0,53	
94	thôi dề/ thôi đã	Lỗi thể <i>thôi đã</i> phụ phàng với hoa !	3	0,79	Đồng nghĩa
95	thôi thể là xong	Đời người <i>thôi thể là xong</i> một đời !	1	0,26	
96	thôi thể thì thôi	Kiếp này <i>thôi thể thì thôi</i> , còn gì !	2	0,53	
97	thôi thì	<i>Thôi thì</i> đẹp nổi bất bình là xong.	5	1,32	
98	thôi thì thôi	<i>Thôi thì thôi</i> có tiếc gì !	2	0,53	
99	thôi thôi	<i>Thôi thôi</i> , vốn liếng đi đời nhà ma !	4	1,05	
100	tiếc cho	<i>Tiếc cho</i> đầu bóng lạc loài đến đây ?	1	0,26	
101	tiếc gì	Thân còn chẳng tiếc, <i>tiếc gì</i> đến duyên !	4	1,05	
102	tiếc thay	<i>Tiếc thay</i> ! Một đóa trà mi,	5	1,32	
103	trời nhẽ có hay	Nàng rằng: “ <i>Trời nhẽ có hay</i> !	1	0,26	
104	trời thắm đất dày	Nàng rằng: “ <i>Trời thắm đất dày</i> !	1	0,26	
105	vì ai	Để con bèo nổi mây chìm <i>vì ai</i> ?	4	1,05	
106	vì chẳng	<i>Vì chẳng</i> có số giàu sang,	3	0,79	
107	xiết bao	Mà lòng trọng nghĩa khinh tài <i>xiết bao</i> !	5	1,32	
108	xiết chi	Chạm xương chép dạ <i>xiết chi</i> ,	1	0,26	
109	xiết đâu	Nghe thôi, kinh hải <i>xiết đâu</i> ,	1	0,26	
110	xiết nổi	Mảng tin, <i>xiết nổi</i> kinh hoàng,	1	0,26	
111	xót thay	<i>Xót thay</i> ! Đào lí một cành,	3	0,79	
		Tổng	378	100%	

Nhìn vào số liệu trong bảng thống kê ta thấy:

- Số lượng từ và cụm từ được dùng nhằm mục đích cảm thán là 111 đơn vị với 378 lượt xuất hiện, trong đó, các cụm từ được sử dụng nhiều hơn.

- Các từ, ngữ mang nghĩa để hỏi (hay than) được nhà thơ sử dụng nhiều nhất, như: **chi (gì)** xuất hiện 56 lần, chiếm 14,81% ; **sao** xuất hiện 38 lần, chiếm 10% ; **làm chi (làm gì)** xuất hiện 17 lần, chiếm 4,5% ; **đâu** và **làm sao** cùng xuất hiện 11 lần, mỗi đơn vị chiếm 2,91% ; **chẳng** xuất hiện 7 lần, chiếm 1,86%, đã bộc lộ hầu hết các trạng thái cảm xúc như: đau đớn, xót xa, oán hận, buồn rầu, tiếc nuối, trách cứ, giận dữ, nghi ngờ, khẳng định,...

- Từ **thôi** có nghĩa gốc là *xong*, là *ngừng hẳn lại*, *không tiếp tục làm việc gì đó nữa*,

xuất hiện 13 lần, chiếm 3,44%, biểu thị ý tiếc nuối trước điều không hay xảy ra, hoặc thái độ buông xuôi của nhân vật (*cũng đành coi như là không có chuyện gì nữa, không còn gì phải nói nữa*).

- Cụm từ **thì thôi** được dùng ở cuối câu biểu thị ý *đành chấp nhận cái thực tế vừa nêu ra, coi như không có gì cần nói nữa*. Tổ hợp từ này xuất hiện 8 lần, chiếm 2,11%.

- Có 51 từ và cụm từ tuy chỉ xuất hiện 1 lần, chiếm 13% (trong tổng số 378 lượt sử dụng), nhưng mức độ bộc lộ các cảm xúc của chúng rất cao, như: đau đớn, xót xa, phẫn uất, thương cảm, ngạc nhiên..., tiêu biểu là các từ và cụm từ sau: *đau đớn thay, đoạn trường thay, khôn xiết, lạ lùng thay, làm sao xiết, ôi, ối, than ôi, trời nhẽ có hay, trời thắm đất dày, xiết chi, xiết đâu, xiết nổi, ...*

3. Với 378 lượt xuất hiện trong 3254 câu thơ, có thể thấy từ ngữ cảm thán là một trong những phương tiện đặc dụng được nhà thơ chọn dùng để thể hiện rất nhiều cung bậc cảm xúc, thái độ của nhân vật cũng như của tác giả trong tác phẩm. Đó là các trạng thái xúc cảm sau:

- Biểu thị thái độ thương cảm, đau đớn, xót xa, phần uất

Trong *Truyện Kiều*, *thương cảm, đau đớn, xót xa, phần uất* là các trạng thái xúc cảm không thể kìm giữ được, khiến các nhân vật và người kể chuyện phải bộc lộ ra bằng các từ ngữ cảm thán.

Khi thăm mả Đạm Tiên, biết rõ thân phận của người đã khuất, Kiều khóc than cho kẻ bạc mệnh:

Sống làm vợ khắp người ta,

Khéo thay thác xuống làm ma không chồng! (87-88, tr 524)

Trong tiếng Việt, *thay* thường được sử dụng để cấu tạo câu cảm thán. Trong câu vị trí của *thay* luôn luôn cố định sau tính từ (hoặc ngữ tính từ) mà nó bổ trợ. Ở câu thơ trên, tính từ *khéo* kết hợp với trợ từ *thay* tạo thành một đơn vị cảm thán, thể hiện sự xót xa cho thân phận người kĩ nữ (có xen lẫn cả sự ngạc nhiên vì sự sắp đặt của số phận tạo nên nghịch cảnh, khi sống thì "làm vợ" cho khắp thiên hạ, mà khi chết lại thành "ma không chồng").

Miêu tả thái độ thương cảm của Thuý Kiều khi được nghe kể câu chuyện cuộc đời của Đạm Tiên, nhà thơ để nàng thảng thốt kêu lên tiếng than phần uất của người trong cuộc:

Đau đớn thay, phận đàn bà! (83, tr 523)

Đau đớn thay lúc này giữ vai trò vị ngữ, nhưng được nhà thơ đảo ngược lên trước chủ ngữ nhằm nhấn mạnh ý cảm thán của câu thơ.

Những lời than tiếp tục được trải dài dưới nhiều hình thức trong tác phẩm. Đó là nỗi đau của Kiều sau giây phút phân ly:

Đoạn trường thay! lúc phân kì, (869, tr 549)

Là tiếng than biểu lộ sự xót xa, thương tiếc của tác giả khi Thuý Kiều rút dao quên sinh:

Thương ôi! Tài sắc bạc này,

Một dao oan nghiệt, đứt dây phong trần (985-986, tr 552)

Hay tiếng kêu thương khi nàng phải cam tâm tiếp khách làng chơi vì bị Tú bà ép buộc:

Thương thay! thân phận lạc loài

Dấu sao cũng ở tay người, biết sao? (1225-1226, tr 560)

Nhà thơ luôn luôn dõi theo những nỗi cơ cực, nhọc nhằn trong từng đoạn đời của nhân vật. Trong đoạn tả Kiều gieo mình xuống sông Tiền Đường, tiếng than thương cảm, xót xa của ông lại vang lên ai oán:

Thương thay! cũng một kiếp người,

Khéo thay! Mang lấy sắc tài làm chi! (2639-2640, tr 604)

Nguyễn Du còn sử dụng *ôi* và *hỡi* (vốn là các từ dùng để gọi đáp) làm từ cảm thán khi kết hợp với danh từ riêng *Kim lang*:

Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang

Thôi thôi, thiếp đã phụ chàng từ đây! (755-756, tr 545)

Sự kết hợp trên đã diễn tả được hết niềm xúc động, đau đớn lên đến cao trào của Kiều trong đêm trao duyên, khiến người đọc cảm giác đó là tiếng than xé ruột của người con gái phải lìa bỏ người yêu dấu để dán thân vào chốn phong trần. Trong trường hợp này, chức năng gọi đáp của hai từ *ôi* và *hỡi* bị mờ đi, nhường chỗ cho việc biểu thị ý cảm thán trong câu thơ.

Cuộc sống ô nhục của Kiều trôi đi trong những *cuộc say đây thán, trận cười suốt đêm*. Một người con gái đức hạnh, có ý thức về phẩm giá như nàng thì không dễ gì chấp nhận cảnh sống nhơ nhớp đó. Đằng sau những "trận cười suốt đêm" là một nỗi niềm được giấu kín, một sự cảm nhận chua xót vị đắng cay, nhọc nhằn, đớn đau của riêng mình. Sự tự vấn xót xa của nàng nằm ngay trong những câu hỏi tu từ với sự tham gia của các từ ngữ cảm thán:

Khi sao phong gấm rủ là,

Giờ sao tan tác như hoa giữa đường (1235-1236, tr 560)

Từ để hỏi *sao* liên tiếp được xuất hiện trong ngữ cảnh này không có nghĩa để hỏi, mà để nàng Kiều bộc lộ thái độ ngạc nhiên trước những sự thật không bình thường trong đời mình. Những câu hỏi tu từ này không cần câu trả lời, mà để truyền sự đồng cảm sang người

đọc, khiến người đọc sống bằng trái tim, bằng tâm hồn của chính nhân vật.

- Biểu thị sự buồn rầu, tiếc nuối, tuyệt vọng, cam chịu

Buồn rầu, tiếc nuối, tuyệt vọng, cam chịu là các thang độ cảm xúc của nhân vật, được tác giả diễn tả trong suốt quãng đời 15 năm chìm nổi của Thuý Kiều.

Trước cảnh mỗi tình Kim - Kiều phải lìa tan không định trước, nhân vật chính một mình vật vờ với nỗi đau buồn, nuối tiếc:

Bây giờ trăm gảy gương tan,

Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân ! (749-750, tr 545)

Tổ hợp từ *làm sao xiết* có tác dụng nhấn mạnh ý thơ, nhằm diễn tả mức độ cảm xúc đang dâng cao trong lòng nàng.

Với sự xuất hiện của cụm từ cảm thán *tiếc gì*, ta thấy nổi bật lên trong câu thơ là sự buông xuôi, tuyệt vọng của nhân vật:

Đau lòng tử biệt sinh li,

Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên ! (617-618, tr 541)

Trong tình cảnh Thuý Kiều bị Mã Giám Sinh lừa gạt, chiếm đoạt, *tiếc thay* là từ cảm thán vừa biểu thị sự day dứt của nhà thơ trước nỗi đau mất đi sự trinh bạch đã cố công gìn giữ của người con gái, vừa tô đậm nét sự đau đớn ê chề của nàng Kiều:

Tiếc thay ! Một đoá trà mi,

Con ong đã mở đường đi lối về ! (845-846, tr 548)

Khi chấp nhận làm lẽ mọn cho Mã Giám Sinh, Kiều hối hận vì trinh tiết nàng giữ gìn bấy nay dành cho Kim Trọng, giờ phải dâng hiến cho kẻ khác:

Biết thân đến bước lạc loài,

Nhị đào thà bẻ cho người tình chung (791-792, tr 546)

Từ *thà* biểu thị sự sẵn sàng của Kiều chấp nhận điều trước đó không muốn làm (bẻ nhị đào cho người tình chung), đồng thời *thà* cũng mang sắc thái cảm thán, biểu thị sự buồn rầu, tiếc nuối mơ hồ và thâm kín rất riêng tư của nhân vật.

Nhằm biểu đạt ý cảm thán, trong tác phẩm, *thôi* xuất hiện ở khá nhiều dạng kết hợp, như *thôi*, *thôi thế*, *mà thôi*, *thôi cũng*, *thì thôi*... để diễn tả sự biến chuyển tâm lí của Thuý Kiều, từ trạng thái đau đớn, tuyệt vọng:

Thôi còn chi nữa mà mong,

Đời người thôi thế là xong một đời! (855-856, tr 548)

sang trạng thái bất lực, buông xuôi:

Nỗi mình âu cũng giãn dần,

Kíp chầy, thôi cũng một lần mà thôi (863-864, tr 549)

hay biểu thị sự cam chịu, chấp nhận hiện thực:

Khéo là mặt dạn mày dầy

Kiếp người đã đến thế này thì thôi (1223-1224, tr 560)

Trong xã hội đầy rẫy những tàn nhẫn, bất công, con người lương thiện không thể thoát ra khỏi những tai họa, càng rầy rụa càng bị trói chặt. Kiều cố tìm đường thoát thân, cố bảo vệ danh tiết, phẩm giá của mình, nhưng những kẻ lòng lang dạ sói vẫn tìm mọi cách xô đẩy nàng ngày một dần sâu thêm vào oan nghiệt, buộc nàng phải cam chịu kiếp nạn của mình.

Trong đêm Thuý Kiều đọc thoại nội tâm, nhân vật nhớ lại cuộc tình duyên cay đắng, thốt lên tiếng thở dài với cụm từ cảm thán *thôi thế thì thôi* khiến người đọc cảm nhận được âm hưởng buồn chán và tiếc nuối tột đỉnh:

Biết bao duyên nợ thế bồi,

Kiếp này, thôi thế thì thôi, còn gì! (705-706, tr 544)

Tác giả đặt cụm từ *có ngần ấy thôi* ở cuối câu vừa tỏ ý than, vừa khẳng định là "chỉ có thế":

Trăm nghìn gửi lạy tình quân,

Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi (751-752, tr 545)

Cụm từ *thôi có ra gì* là lời than thở, bày tỏ thái độ chán nản của nhân vật:

Thân này, thôi có ra gì mà mong!

(796, tr 546)

Góp phần diễn tả cuộc đấu tranh nội tâm của Kiều trước khi nàng quyết định quyền sinh, tác giả sử dụng *thôi thì thôi* để biểu thị sự tuyệt vọng nhưng đầy nuối tiếc (mặc dù nhân vật thốt lên *có tiếc gì*):

Thôi thì thôi có tiếc gì ! (981, tr 552)

Việc sử dụng từ *thôi* tạo thành những kết hợp độc đáo như ở một số câu thơ trên đã giúp Nguyễn Du vừa bộc lộ được ý đồ cảm thán, vừa tạo ra sự mới mẻ của ngôn từ thi ca.

Khi Thuý Kiều bị Hoạn Thư bắt cóc, Thúc Sinh trở về, thấy người mất, nhà tan, sự xuất hiện của *hồi* trong câu thơ nhằm biểu thị tiếng than khóc buồn rầu, tuyệt vọng của chàng:

Hỡi ơi ! Nói hết sự duyên,

Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan
(1675-1676, tr 574)

Quả thật, *hồi* ở trên không còn nét nghĩa gốc mà đã chuyển sang nét nghĩa mới - nét nghĩa cảm thán.

- Biểu thị sự lo lắng, sợ hãi ở mức độ cao

Lo lắng, sợ hãi là trạng thái không yên lòng của con người khi lưỡng lự trước khả năng không hay nào đó. Trong *Truyện Kiều*, trạng thái tâm lí này được tác giả cực tả thông qua các cụm từ *xiết nổi, xiết đâu*,...

Xiết có nghĩa gốc là có thể đếm được, do đó *xiết bao, xiết chi, xiết đâu, xiết nổi* được sử dụng trong tác phẩm đều có nét nghĩa phủ định (TĐTK - Đào Duy Anh, tr 513).

Khi Kim Trọng nghe tin chú mất, bao nhiêu nông nổi trong lòng không kể hết được, *xiết nổi* biểu thị mức độ kinh hoàng của chàng:

Mảng tin, xiết nổi kinh hoàng,

(535, tr 538)

Tương tự như vậy, sự xuất hiện của *xiết đâu* bộc lộ rõ nỗi khiếp sợ không biết chừng nào của Thuý Kiều đối với Hoạn Thư:

Nghe thôi kinh hãi xiết đâu

Đàn bà thế ấy thấy âu một người

(2003-2004, tr 585)

- Biểu thị sự giận dữ, trách móc, oán hờn

Giận dữ, trách móc, oán hờn là thái độ không bằng lòng với sự việc mà người khác mang lại. Trong *Truyện Kiều*, mức độ oán giận của các nhân vật sâu sắc đến mức không thể nén nổi trong lòng.

Tác giả sử dụng *chi bấy* vốn có nghĩa biểu thị ý bình luận "gì mà đến mức ấy" để thể hiện thái độ oán hờn của nhân vật trước số phận nghiệt ngã:

Phũ phàng chi bấy hoá công !

Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha
(85-86, tr 524)

Ở ngữ cảnh trên, *chi bấy* khiến câu thơ mang ý nghĩa trách móc. Theo Đào Duy Anh thì "*bấy* và *mấy* đều cùng gốc và có nghĩa là

bao nhiêu" (Từ điển Truyện Kiều .tr17), cho nên câu thơ có thể được diễn đạt lại như sau: "Phũ phàng gì mà nhiều thế hoá công !"

Bất lực nhìn con gái phải bán mình cứu cha, Vương ông cất lên tiếng than phẫn uất, căm hận tạo hoá:

Trời làm chi cực bấy trời!

(659, tr 542)

Trong hoàn cảnh bị Tú Bà và đồng bọn nhiech mắng, đánh đập, Thuý Kiều đã tỏ thái độ oán hờn bằng tiếng kêu vô vọng:

Nàng rằng: "Trời thăm đất dày !

Thân này đã bỏ những ngày ra đi"
(979-980, tr 552)

Nỗi uất ức của nàng đã lên đến tột cùng. Cụm từ *trời thăm đất dày* có tác dụng làm toát lên mức độ cảm thán của câu thơ, khiến người đọc có cảm giác tiếng kêu của nàng thấu tận trời cao, đất dày.

Vốn đã căm ghét Thuý Kiều nên trong đêm nàng gầy đàn hầu rượu, Hoạn Thư đã trút cơn giận dữ của mình vào tiếng thét:

Tiểu thư lại thét lấy nàng:

Cuộc vui gây khúc đoạn trường ấy chi !
(1859-1860, tr 580)

Chi trong ngữ cảnh này không có ý hỏi mà mang mục đích mắng chửi.

- Biểu thị thái độ chê cười, mỉa mai

Chê cười, mỉa mai là thái độ không vừa ý, tỏ ý chế nhạo, giễu cợt bằng cách nói cạnh nói khoe.

Nguyễn Du đã tạo nên sự tương phản giữa hai chị em trước số phận của nàng ca kĩ Đạm Tiên trong câu thơ Thuý Vân tỏ ý chê cười sự xót thương của Thuý Kiều:

Vân rằng: Chị cũng nức cười,

Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa !
(105-106, tr 524)

Khéo ở câu thơ trên hàm ý cười chê, mặc dù nó vốn biểu thị sự phỏng đoán, rằng dễ chừng là như thế. Lời chê trách đó không chỉ làm rõ sự khác biệt của hai thiếu nữ, mà còn làm nổi bật tính cách đa cảm của Kiều. Không phải ai cũng có được sự đồng cảm với cuộc đời Đạm Tiên như nàng, ngay cả Vương Quan, tuy đã thể hiện sự thông cảm với người dưới mộ trong suốt câu chuyện, nhưng ở lời kết thúc vẫn có chút mỉa mai:

Trái bao thỏ lặn ác tà,

Ấy mô vô chủ ai mà viếng thăm

(79-80, tr 523)

Chẳng biết vô tình hay hữu ý nhưng những lời nói trên đã khơi thêm nỗi đau lòng của Kiều. *Ai mà* mang nét nghĩa phủ định được hiểu là “không có ai lại làm gì đó”, bộc lộ rõ ý cảm thán của người nói: chỉ là một nấm mồ hoang thì không có ai lại dư thời gian đi thăm viếng, săn sóc.

- Biểu thị thái độ nghi ngờ, không tin tưởng

Nghi ngờ là thái độ không tin tưởng vì chưa rõ sự thật ra sao. Trong tác phẩm, một số từ ngữ được nhà thơ sử dụng để thể hiện sự nghi ngại của mình và của nhân vật đối với hiện thực khách quan.

Ngay từ câu thơ mở đầu *Truyện Kiều*, nhà thơ đã viết:

Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

(1-2, tr 521)

Ở đây, từ *khéo* là truyền tải ý phỏng đoán, giúp cho đoạn thơ biểu thị được thái độ nghi hoặc về mối quan hệ của tài và mệnh, mang đến cảm giác bất an cho người đọc trong tư tưởng “tài mệnh tương đố” của tác giả.

Khi Kiều đánh đàn, Kim Trọng đã cảm nhận có sự bất thường trong khúc nhạc đau buồn mà nàng thể hiện. Lời nhận xét của chàng bộc lộ sự nghi ngờ:

Rằng: "hay thì thật là hay

Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào"
(489-490, trang 537)

Phó từ *thật* có tác dụng xác nhận một hiện thực đang ở tình trạng hơn mức bình thường, cụm từ *thật là* kết hợp với tính từ "hay" đã gây nên cảm xúc không bình thường của người nghe trong câu thơ.

- Biểu thị sự ngạc nhiên

Ngạc nhiên là thái độ bất ngờ trước điều lạ vừa xảy ra. Trong *Truyện Kiều*, sự ngạc nhiên được biểu hiện bằng từ *lạ* có tác dụng diễn đạt cái nhìn phát hiện của người kể chuyện.

Khi Từ Hải bị "chết đứng", không ai lay chuyển nổi, nhưng Thuý Kiều vừa gieo mình khóc than thì xác chàng liền ngã xuống. Cụm từ *lạ thay* diễn tả sự kinh ngạc của những người được chứng kiến và của nhà thơ:

Lạ thay! Oan khí tương triền,

Nàng vừa gục xuống, Từ liền ngã ra
(2535-2536, tr 601)

Tiếp theo, cụm từ *lạ cho* vẫn hàm ý ngạc nhiên, nhưng có thêm ý mỉa mai của người kể trước sự thật khó hiểu, đáng lẽ không xảy ra:

Nghe càng đắm, ngắm càng say,

Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình !
(2579-2580, tr 602)

Lạ sao thể hiện sự ngạc nhiên xen ý khẳng định ở đoạn cuối của tác phẩm:

"Cơ duyên đâu bỗng lạ sao,

Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi"
(2973-2974, tr 615)

Câu thơ trên cũng không nhằm mục đích hỏi, mà bộc lộ sự ngạc nhiên của nhà thơ, đồng thời có hàm ý: khi ông trời đã sắp đặt thì không có việc gì là không thể xảy ra.

- Biểu thị sự ngưỡng mộ, ca ngợi

Trong suốt tác phẩm, *xiết* được sử dụng chủ yếu để nói đến trạng thái đau buồn, tiếc nuối hoặc khiếp sợ, kinh hoàng. Tuy nhiên, duy nhất một lần, nhà thơ dùng *xiết bao* để Thuý Kiều giải bày sự ngưỡng mộ của nàng đối với chàng Kim:

Chiếc thoa nào của mấy mươi,

Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao
(309-310, tr 531)

Ngưỡng mộ, ngợi ca là thái độ tôn kính và mến phục, tỏ lòng yêu quý cái hay, cái đẹp của người hoặc cảnh vật. Trong sự đánh giá trên, sự kết hợp của *xiết bao* với nhóm động tính từ *trọng nghĩa khinh tài* có tác dụng bổ sung nét nghĩa về mức độ rất cao của cảm xúc, nhờ đó, hình ảnh và tính cách của Kim Trọng gây được sự chú ý và tình cảm yêu mến của người đọc.

(xem tiếp trang 7)

→ Hoàng Lan bị ốm vì cường độ tập luyện quá cao. (+)

→ Hoàng lan bị ốm cường độ tập luyện quá cao. (-)

Như vậy, chính vì tính phụ thuộc của thành tố chỉ nguyên nhân lớn hơn tính phụ thuộc của thành tố chỉ kết quả, nên quan hệ từ chỉ nguyên nhân khó bị lược bỏ hơn quan hệ từ chỉ kết quả trong các cấu trúc nhân quả. Do đó, có thể nhận thấy rằng: quan hệ từ chỉ nguyên nhân có tần số xuất hiện nhiều hơn quan hệ từ chỉ kết quả trong các cấu trúc nhân quả.

3. Tóm lại, cách biểu hiện mối quan hệ nhân quả bằng phương tiện cú pháp (quan hệ từ) trong tiếng Việt khá phổ biến. Quan hệ nhân quả có thể được biểu hiện bằng hai nhóm quan hệ từ sau:

- Quan hệ từ chỉ nguyên nhân.
- Quan hệ từ chỉ kết quả.

Số lượng quan hệ từ chỉ nguyên nhân nhiều hơn số lượng quan hệ từ chỉ kết quả và tần số xuất hiện trong câu cũng nhiều hơn, khả năng lược bỏ cũng hạn chế hơn. Điều này cho thấy trong cấu trúc nhân quả được biểu hiện bằng quan hệ từ, tính phụ thuộc của thành tố nguyên nhân so với thành tố kết quả lớn hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Diệp Quang Ban (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
2. Hoàng Phê (2004), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học.
3. Hoàng Trọng Phiến (1980), *Ngữ pháp tiếng Việt. Câu*, NXB Đại học và THCN.
4. Nguyễn Hữu Quỳnh (1980), *Ngữ pháp tiếng Việt hiện đại*, NXB Giáo dục.
5. Ủy ban Khoa học Xã hội (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội.
6. Nguyễn Như Ý, Hà Quang Năng, Đỗ Việt Hùng, Đặng Ngọc Lê (2003), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 14-07-2009)

(*Cách sử dụng từ ngữ...tiếp theo trang 19*)

4. Có thể thấy, các từ ngữ cảm thán được sử dụng giữ một vai trò quan trọng trong việc xây dựng hình tượng nghệ thuật của *Truyện Kiều*. Nhờ đó, mọi sắc thái cảm xúc của nhân vật trữ tình cũng như của tác giả được phơi bày trên các dòng thơ, khơi dậy những cung bậc tình cảm vô cùng phong phú và sự đồng cảm của độc giả.

Trong *Truyện Kiều*, bên cạnh các trạng thái cảm xúc khác (đau đớn, tuyệt vọng, ngạc nhiên, ngưỡng mộ, mỉa mai,...), giọng điệu cảm thương không những là yếu tố hàng đầu giữ vai trò thống nhất mọi yếu tố khác mà còn là dòng cảm xúc chủ đạo của tác phẩm. Tất cả những cảm xúc đó được thể hiện thông qua nhiều hình thức, mà rõ nhất là thông qua các từ ngữ cảm thán. Các từ ngữ này được Nguyễn Du sử dụng đan xen xuyên suốt tác phẩm, tạo nên một chuỗi xúc cảm rất đa dạng, phong phú của các nhân vật trữ tình cũng như người kể chuyện. Nhờ có chúng, người đọc có thể hiểu rõ hơn nội dung tư tưởng của tác phẩm, đồng thời cảm nhận được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của đại thi hào Nguyễn Du.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh (1989), *Từ điển Truyện Kiều*, Nxb KHXH. H.
2. Phạm Thị Hương Lan (2003), *Cảm từ trong tiếng Việt hiện đại và một số dạng thức tương đương trong tiếng Anh*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ, ĐHKHXH & NV - ĐH Quốc Gia Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Hồng Ngọc (2004), *Câu cảm thán trong tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, ĐHKHXH & NV - ĐH Quốc Gia Hà Nội.
4. Hoàng Phê (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng
5. Trịnh Minh Thành (2006), *Câu hỏi trong Truyện Kiều của Nguyễn Du và việc sử dụng câu hỏi để biểu thị mục đích nói*, Luận văn Thạc sĩ khoa học Ngữ văn, ĐH Sư phạm Hà Nội.
6. Trần Đình Sử (2002), *Thi pháp Truyện Kiều*, Nxb GD. H

(Ban Biên tập nhận bài ngày 07-07-2009)